ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP TIẾNG ANH 5 GLOBAL SUCCESS
HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2024-2025

I. Từ vựng từ bài 11 đến bài 20:

Vocabulary	*Meaning*	*Vocabulary*	*Meaning*
Unit 11: Family time			
buy souvenirs	mua quà lưu niệm	take a boat trip around the bay	đi du lịch bằng tàu thuỷ vòng quanh vịnh
collect seashells	thu lượm, đi lấy vỏ sò	walk on the beach	đi bộ trên bãi biển
eat seafood	ăn hải sản	take photos	chụp hình
see some interesting places	thăm những nơi thú vị	explore the caves	khám phá hang động
Unit 12: Our Tet holiday			
buy roses	mua hoa hồng	fireworks show	sự trình diễn pháo hoa
buy a branch of peach blossoms	mua một cành hoa đào	flower festival	hội chợ hoa
decorate the house	trang trí nhà	make banh chung	làm bánh chưng
do the shopping	đi mua sắm	make spring rolls	làm nem
New Year party	tiệc năm mới	wear new clothes	mặc quần áo mới
Unit 13: Our special days			
at Mid-Autumn Festival	vào Tết Trung thu	burgers	những bánh mì kẹp thịt
on Teachers' Day	vào ngày Nhà giáo Việt Nam	milk tea	trà sữa
on Children's Day	vào ngày Quốc tế Thiếu nhi	pizza	bánh pizzza
on Sports Day	vào ngày hội thể thao	apple juice	nước ép táo
Unit 14: Staying healthy			
do morning exercise	tập thể dục buổi sáng	every day	mỗi ngày
do yoga	tập yoga	once a week	một lần một tuần
drink fresh juice	uống nước ép trái cây tươi	play sports	chơi thể thao
eat healthy food	ăn thức ăn có lợi cho sức khỏe	three times a week	ba lần một tuần
eat vegetables	ăn rau	twice a week	hai lần một tuần
Unit 15: Our health			
headache	đau đầu	drink warm water	uống nước ấm
sore throat	đau họng	go to the dentist	đi khám nha sĩ
stomach ache	đau dạ dày	have a rest	nghỉ ngơi
headache	đau đầu	take some medicine	uống thuốc

LIVEWORKSHEETS

rinse the mouth with salt water	súc miệng bằng nước muối	eat ice cream	ăn kem
Unit 16: Seasons and the weather			
spring	mùa xuân	cold	lạnh
summer	mùa hè	cool	mát
autumn	mùa thu	hot	nóng
winter	mùa đông	warm	ấm áp
dry season	mùa khô	jeans	quần bằng vải bông
rainy season	mùa mưa	jumper	áo len cao cổ
trousers	quần dài	blouse	áo cánh
Unit 17: Stories for children			
Snow White	nàng Bạch Tuyết	cook well	nấu ăn ngon
dwarfs	những chú lùn	run fast	chạy nhanh
ant	con kiến	work hard	làm việc chăm chỉ
grasshopper	con châu chấu	sing beautifully	hát hay
fox	con cáo	main character	nhân vật chính
crow	con quạ	story	câu chuyện
tortoise	con rùa	storybook	truyện tranh
hare	con thỏ	intelligent	thông minh
Unit 18: Means of transport			
Dragon Bridge	Cầu Rồng	by bicycle	bằng xe đạp
Ha Noi Opera House	Nhà Hát lớn Hà Nội	by bus	bằng xe buýt
Ho Chi Minh City Museum	Bảo tàng Hồ Chí Minh	by taxi	bằng xe tắc xi
Ngo Mon Square	Quảng trường Ngọ Môn	on foot	đi bộ
Unit 19: Places of interest			
beautiful	đẹp	twenty-nine (29)	hai mươi chín (29)
exciting	hứng thú	forty (40)	bốn mươi (40)
fantastic	tuyệt vời	one hundred (100)	một trăm (100)
peaceful	yên bình	one hundred and twenty-nine (129)	một trăm hai mươi chín (129)
Unit 20: Our summer holidays			
Dam Sen Aquarium	Thủy cung Đầm Sen	go camping	đi cắm trại
Huong River	Sông Hương	join a music club	tham gia câu lạc bộ âm nhạc
Phong Nha Cave	Động Phong Nha	practise swimming	luyện tập bơi
Phu Quoc Island	Đảo Phú Quốc	visit an eco-farm	thăm trang trại sinh thái

LIVEWORKSHEETS

II. Cấu trúc câu từ bài 11 đến bài 20:

1. Did you *swim*? *(Bạn đã bơi phải không?)*	Yes, I did. I *swam with my mother*. *(Đúng vậy. Tôi bơi cùng mẹ.)*
2. What did your family do in *Ha Long Bay*? *(Gia đình bạn đã làm gì ở Vịnh Hạ Long?)*	We *took a boat trip around the bay*. *(Chúng tôi đi thuyền quanh vịnh.)*
3. Will you *make banh chung* for Tet? *(Bạn sẽ làm bánh chưng cho ngày Tết chứ?)*	Yes, I will/ No, I won't. I'll *make spring rolls.* *(Có/ Không, tôi sẽ không. Tôi sẽ làm món chả giò.)*
4. Where will you go at Tet? *(Tết bạn sẽ đi đâu?)*	I'll go to *my grandparents' house*. *(Tôi sẽ về nhà ông bà ngoại.)*
5. What will you do on *Children's Day?* *(Tết thiếu nhi bạn sẽ làm gì?)*	We'll *dance.* *(Chúng tôi sẽ nhảy.)*
6. What food will you have at the party? *(Bạn sẽ ăn món gì trong bữa tiệc?)*	We'll have *pizza*. *(Chúng tôi sẽ ăn pizza.)*
7. What drinks will you have at the party? *(Bạn sẽ uống gì trong bữa tiệc?)*	We'll have *milk tea*. *(Chúng tôi sẽ uống trà sữa.)*
8. How does she/ he stay healthy? *(Làm thế nào để cô ấy/ anh ấy luôn khỏe mạnh?)*	She/ He *does morning exercise.* *(Cô ấy/ anh ấy tập thể dục buổi sáng.)*
9. How often does she *do yoga*? *(Cô ấy có thường xuyên tập yoga không?)*	*Once a week*. *(Mỗi tuần một lần.)*
10.What's the matter? *(Có chuyện gì vậy?)*	I have *a toothache.* *(Tôi bị đau răng.)*
11. You should *go to the dentist*. (Bạn nên đến nha sĩ.)	*Thanks for your advice.* *(Cảm ơn lời khuyên của bạn.)*
12.How's the weather in Ha Noi in summer? *(Thời tiết Hà Nội mùa hè thế nào?)*	It's *hot*. *(Trời nóng.)*
13.What do you usually wear in spring? *(Bạn thường mặc gì vào mùa xuân?)*	I wear *a blouse.* *(Tôi mặc một chiếc áo cánh.)*
14.Who are the main characters in the story? *(Các nhân vật chính trong câu chuyện là ai?)*	They're *the fox and the crow*. *(Họ là cáo và quạ.)*
15.How did he sing? *(Anh ấy đã hát như thế nào?)*	He *sang beautifully.* *(Anh ấy hát rất hay.)*
16.Where do you want to visit? *(Bạn muốn ghé thăm nơi nào?)*	I want to visit *Dragon Bridge*. *(Tôi muốn đến thăm Cầu Rồng.)*
17. How can I get to *Dragon Bridge*? *(Làm thế nào tôi có thể đến Cầu Rồng?)*	You can get there *by bicycle.* *(Bạn có thể đến đó bằng xe đạp.)*
18.What do you think of *Hoi An Old Town*? *(Bạn nghĩ gì về phố cổ Hội An?)*	I think it's *exciting*. *(Tôi nghĩ nó thật thú vị.)*
19. How far is it from *Da Nang to Hoi An*? *(Từ Đà Nẵng đi Hội An bao xa?)*	It's *about 29 kilometres.* *(Khoảng 29 km.)*

LIVEWORKSHEETS

20. Where are you going to visit this summer? *(Mùa hè này bạn định đi đâu?)*	I'm going to visit *Phong Nha Cave.* *(Tôi sắp đi thăm Động Phong Nha.)*

III. Một số dạng bài tập:

1. Look, read and tick or cross. ✓ X

1. drink warm water ☐

2. New Year party ☐

3. make spring rolls ☐

4. take some medicine ☐

5. The fox and the crow ☐

6. by bus ☐

7. do yoga ☐

8. Spring ☐

9. take a boat trip ☐

2. Read and tick (✓) True or False in the box.

My name is An. I love playing sports. I play football with my friends every afternoon. On Mondays and Wednesdays, I go swimming. I also help my parents with housework. My sister's name is Linh. She likes reading books and drawing pictures. Every weekend, we go to the library together. Linh always brings her water bottle and some fruit. We enjoy spending time together.

	True	**False**
1. An plays football every afternoon.		
2. An goes swimming on Mondays and Thursdays.		
3. Linh likes reading books and drawing.		
4. An and Linh go to the zoo every weekend.		
5. Linh brings water and fruit to the library.		

LIVEWORKSHEETS

Tet is coming. My family is busy preparing for Tet. My father wants to decorate the house with flowers. He will go to the market and buy a branch of peach blossoms. My mother wants to have a New Year party. She will go to the supermarket and buy some food and drinks. My younger brother and I want to write good wishes to my grandparents. We will go to the bookshop and buy New Year cards. We all like Tet very much.

	True	**False**
1. The father will buy a branch of peach blossoms at the market.		
2. The father wants to decorate the house with lights.		
3. The mother will buy flowers and fruits		
4. The younger brother and the writer want to buy New Year cards.		

My name is Lan. I like dancing. I go to dance class three times a week. In the morning, I often do yoga with my mother. On Saturdays and Sundays, I ride my bicycle in the park. I have a good friend. Her name is Mai. She likes eating healthy food. She eats fish and vegetables every day. She also drinks a lot of water. We always try to stay strong and healthy.

	True	**False**
1. Lan goes to dance class three times a week.		
2. Lan does yoga with her dad in the morning.		
3. Mai drinks a lot of soft drinks.		
4. Lan and Mai want to be healthy.		

3. Read and fill in each gap with one word. There is ONE extra word.

Da Nang	plane	cable car
Ho Chi Minh City	Quang Ngai City	Ba Na Hills

This summer, Anna is going to visit ***(0) <u>Da Nang</u>*** for a holiday. It is about nine hundred and sixty kilometres from (1) ……. She is going to travel there by (2)…….. She is going to stay in a nice hotel near the beach. She is going to visit (3)……. It is a famous tourist attraction, and she is going to take lots of photos there. She is going to take the (4))…….to the Golden Bridge. She is going to try local food and buy some gifts at Han Market. Anna thinks Da Nang is a wonderful place for a summer holiday.

Hue	train	Hoi An
motorbike	Hanoi	museum

LIVEWORKSHEETS

This summer, Nam is going to visit (0) Hue with his family. It is a beautiful city in central Vietnam. It is about six hundred and seventy kilometers from (1) ……. They are going to travel by (2) ……. Nam is going to visit the old citadel and a famous (3) ……. He is also going to visit (4) ……. in the evening to see the lanterns and take some nice photos. Nam thinks this trip will be exciting and fun.

4. Read and choose the best answers.

Anna's Healthy Lifestyle

Anna likes living a healthy life. She eats good food every day. For breakfast, she often has cereal with milk and some bananas. For lunch and dinner, she eats chicken, rice, and lots of vegetables. Anna drinks plenty of water and loves orange juice.

She always wakes up early and goes to bed on time. Anna does morning stretches and rides her bike in the afternoon. On Mondays and Fridays, she goes swimming. She is fit, happy, and full of energy. Anna is a great example of a healthy and active girl!

1. ***What does Anna eat for breakfast?*** A. Bread and butter B. Cereal with milk and bananas C. Eggs and sausages	***2. What sport does Anna do on Mondays and Fridays?*** A. Judo B. Basketball C. Swimming
3. What does Anna like to drink? A. Soft drinks B. Orange juice and water C. Milkshakes	***4. How is Anna described at the end of the story?*** A. Fit, happy, and full of energy B. Lazy and tired C. Sleepy and quiet

Tom's Healthy Habits

Tom always tries to stay healthy. Every morning, he eats eggs, bread, and drinks a glass of milk for breakfast. For lunch and dinner, he has fish or beef with vegetablesand fruit. Tom doesn't like fast food or sweets.

He exercises every day. In the morning, he runs around the park. In the evening, he plays football with his friends. On weekends, he goes hiking with his family. Tom sleeps early and wakes up at 6 a.m. He believes good food, exercise, and sleep help him stay strong

LIVEWORKSHEETS

and smart.

1. What does Tom eat for breakfast? A. Noodles and soda B. Eggs, bread, and milk C. Rice and vegetables	***2. What does Tom do in the morning?*** A. Sleep late B. Watch TV C. Run around the park
3. What kind of food does Tom dislike? A. Fast food and sweets B. Vegetables and fruit C. Eggs and bread	***4. What does Tom believe helps him stay strong and smart?*** A. Playing video games B. Watching movies C. Good food, exercise, and sleep

Once upon a time, there was an ant and a grasshopper. In the autumn, the ant worked hard to collect food for the winter. The grasshopper was lazy. He only sang and danced. Then, winter came. The ant had lots of food. The grasshopper had nothing to eat. The ant gave the grasshopper some food. The grasshopper thanked the ant and said: "I'll work hard like you next year."

1. Who are the main characters in the story? A. The ant and the grasshopper B. The ant and the rabbit. C. The grasshopper and the tiger.	***2. How was the grasshopper when winter came?*** A. He didn't have food. B. He didn't have water. C. He diidn't have friends.
3. How did the ant work? A. The ant will work fast. B. The ant works well. C. The ant worked hard.	***4. The grasshopper said: "I'll work hard like you……"*** A. next week. B. next year. C. next month.

5. Read and match.

1. You can find them in the park. They are beautiful and full of colors.	A.

LIVEWORKSHEETS

2. When you eat sweets too much, you can get this pain.	B.
3. People usually go to this building to see shows.	C.
4. She is a main character in a story. She wore a red hood and went to visit her grandmother.	D.
5. You can use it to get to the island.	E.
6. When you are tired, you should do this.	F.
7. We move around by walking.	G.
8. She is a main character in a story. She lived with the dwarfs in the forest and was put to sleep by a poisoned apple.	H.

6. Order the words to make a complete sentence.

1. buy / Will / a branch of peach blossoms/ you/ for Tet? /

=> ……

2. collected / with / I/ seashells / sister. / my /

=> ……

LIVEWORKSHEETS

3. in the sea. / sunbathed/ and swam / my parents / on the beach / On Saturdays, /

=> ……

4. they do / at / Festival? / What will / Mid-Autumn /

=> ……

5. and a shirt / jeans / I / autumn./ usually wear / in /

=> ……

6. The hare/ the tortoise, / he did not win. / but / raced /

=> ……

7. last weekend? / go / Where / your family / camping / did /

=> ……

8. to / should / eat / You / more / stay healthy. / fruit and vegetables /

=>……

9. your sister / twice a week? / Does / play sports /

=> ……

10. peaceful. / and / Huong Pagoda / beautiful / is / I think /

=> ……

7. Look at the picture and write the sentences.

1. She / read / book / library. => *She is reading in the library.*	
2. My brother/ volleyball / twice / week. ……..……..	
3. main / character / story / fox / crow. …… ……	
4. My mother / like / wear / “ao dai” / spring. …….. ……	

LIVEWORKSHEETS

5. We / have / burger/ party / tomorrow. …….. ……	
6. My sister/ healthy food/ everyday. …….. ……	
7. main / character / story / tortoise / hare. …… ……	
8. You/ get / Dragon Bridge/ bicycle. ……..	
9. We / piano / sing / Teacher's Day. ……..	
10. We / milk tea / pizza / Children's Day/ tomorrow. ……..	

8- Look at the picture and complete the sentences.

 1. We …… souvenirs yesterday.	 2. You can get there by……

LIVEWORKSHEETS

3. Will you……the house for Tet?

4. You should ……

5. We'll have …… at the party.

6. It's……..……in winter.

7. She ……to stay healthy.

8. He……..…beautifully.

9. I will go to a……..at Tet.

10. I wear ……in winter.

11. She eats vegetables……

12. I want to visit……..

13. sea _ _ _ _ _

14. vege_ _ _ _ _ _

LIVEWORKSHEETS

 15. bu _ _ _ _	 16. to_ _ _ _ _ _ _
 17. me_ _ _ _ _ _	 18. sum _ _ _
 19 wa_ _ _ _ _ _ _	 20. j_ _ _ _ _
 21. rep_ _ _ _ _	 22. sh_ _ _ _
 23. b_ _	 24. fire_ _ _ _ _

9. Write about your local weather and typical outfits for each season (about 40 words).

- How many seasons are there in your area?
- How's the weather in each season?
- What do you usually wear in each season?

LIVEWORKSHEETS

There are ……. seasons……..…….. It's …….…...

……..……...…

…….

……..…...……

LIVEWORKSHEETS